TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN B** **THÀNH PHỐ C**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **52**/2022/HNGĐ-ST
Ngày 28-6-2022
V/v xin ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN B, THÀNH PHỐ C

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thuý Quyên

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Vĩnh Hạnh

Ông Nguyễn Việt Quân

- Thư ký phiên tòa: Ông **Trương Vũ Linh** - Thư ký Tòa án nhân dân quận B, thành phố C.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận B, thành phố C tham gia phiên tòa: Ông Trần Tấn Bửu – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận B, thành phố C xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 61/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2022 về việc xin ly hôn, tranh chấp nuôi con. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 233/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn Bà **Phạm Thị Hoàng Y**, sinh năm 1987; HKTT: Số 4/8 đường Mậu Thân, phường K, quận K1, thành phố C. Có đơn xin xét xử vắng mặt

Bị đơn: Ông **Trần Văn M**, sinh năm 1990; HKTT: C23, Tổ 7, khu vực 4, phường N, quận B, thành phố C. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Phạm Thị Hoàng Y trình bày và yêu cầu:

Bà và ông Trần Văn M tự nguyện tiến tới hôn nhân, được Uỷ ban nhân dân phường K, quận K1, thành phố C cấp giấy chứng nhận kết hôn số 91 ngày 15/6/2011. Sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2013 thì hai người bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông M không lo làm ăn, không quan tâm đến gia đình, thường xuyên nhậu nhẹt và đánh đập vợ con. Đến năm 2016 ông M bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Sau khi cai nghiện trở về ông M không lo tu trí làm ăn

chăm sóc gia đình. Đến năm 2020 ông M tiếp tục bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Mặc dù, bà đã nhiêu lần tạo cơ hội cho ông M nhưng vẫn không có kết quả. Hiện tại bà đã dọn ra ở riêng với hai con được 02 năm. Bà nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng nên yêu cầu được ly hôn với ông M.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, bà và ông M có hai con chung tên Trần Phạm Triết K (giới tính nam) sinh ngày 25/3/2011 và tên Trần Phạm Triết G (giới tính nam) sinh ngày 08/5/2016. Hiện bà đang nuôi dưỡng hai cháu. Sau khi ly hôn bà Y yêu cầu được nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu ông M cấp dưỡng.

Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Trần Văn M đã được Toà án triệu tập nhiều lần để giải quyết vụ án nhưng không đến nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận B, thành phố C: Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử. Xác định đúng quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết. Về nội dung: Yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn là có cơ sở để xem xét, vì hai người đã không có điều kiện để chung sống.

Về con chung: Giao hai con chung tên Trần Phạm Triết K (giới tính nam) sinh ngày 25/3/2011 và tên Trần Phạm Triết G (giới tính nam) sinh ngày 08/5/2016 cho bà Phạm Thị Hoàng Y trực tiếp nuôi dưỡng. Ông M không phải cấp dưỡng cho con chung.

Tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Trường hợp các bên có tranh chấp thì sẽ được giải quyết trong vụ kiện khác khi có đủ cơ sở chứng minh. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Hoàng Y.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Quan hệ hôn nhân giữa bà Phạm Thị Hoàng Y và ông Trần Văn M có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Nay bà Y yêu cầu ly hôn và nuôi con nên quan hệ pháp luật của vụ án là "Xin ly hôn, tranh chấp nuôi con"; Ông Trần Văn M đang cư trú tại phường N, quận Bình Thuỷ nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân quận Bình Thuỷ.

[2] Nguyên đơn bà Phạm Thị Hoàng Y có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Trần Văn M từ chối nhận quyết định đưa vụ án ra xét xử; Tòa án đã lập biên bản ghi nhận sự việc và được Công an phường N xác nhận vào ngày 09/6/2022. Do đó, Hội đồng xét xử xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn: Hội đồng xét xử thấy rằng, cả hai đương sự đã tự nguyện tiến tới hôn nhân và được Uỷ ban nhân dân phường K, quận K1, thành phố C cấp giấy chứng nhận kết hôn số 91 ngày 15/6/2011, đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn thì vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian, tuy nhiên từ năm 2013 đến nay thì ông bà thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Bà Y cho rằng ông M không còn quan tâm chăm sóc vợ con. Bà đã nhiều lần nhắc nhở, động viên nhưng ông M không thay đổi. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần gửi văn bản thông báo cho ông M biết các yêu cầu của bà Y, tạo điều kiện để ông M đưa ra biện pháp hàn gắn tình cảm gia đình. Tuy nhiên, ông M không đến và từ chối nhận các văn bản tố tụng của Tòa án. Điều này cho thấy, ông M không có thiện chí và cố gắng xây dựng gia đình với bà Y. Do đó, yêu cầu ly hôn của bà Y là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về con chung: Khi ly hôn bà Y yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung tên Trần Phạm Triết K, sinh ngày 25/3/2011 và Trần Phạm Triết G, sinh ngày 08/5/2016, không yêu cầu ông M cấp dưỡng. Ngày 12/4/2022 cháu Triết K có văn bản nêu ý kiến, khi cha mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng được ở với mẹ. Hội đồng xét xử xét thấy, theo xác nhận của Công an phường N thì ông M thường xuyên đi làm ăn nơi khác (không rõ địa chỉ),không thường xuyên sinh sống tại nhà số C23, Tổ 7, khu vực 4, phường N, quận B, thành phố C. Trong khi đó, bà Y đang nuôi dưỡng các con chung phát triển bình thường. Do vậy, để đảm bảo sự ổn định về nơi ở và không làm xáo trộn cuộc sống của các cháu thì cần giao hai con chung cho bà Y trực tiếp nuôi dưỡng. Việc bà Y không yêu cầu ông M cấp dưỡng cho con chung là phù hợp nên chấp nhận.

[4] Tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Án phí: Nguyên đơn phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 28, Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Hoàng Y.

Xử cho bà Phạm Thị Hoàng Y được ly hôn với ông Trần Văn M.

2. Con chung: Giao hai con chung tên Trần Phạm Triết K (giới tính nam) sinh ngày 25/3/2011 và tên Trần Phạm Triết G (giới tính nam) sinh ngày 08/5/2016 cho bà Phạm Thị Hoàng Y trực tiếp nuôi dưỡng. Ông M không phải cấp dưỡng cho con chung. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho ông Trần Văn M không ai được quyền cản trở.

3. Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí: Nguyên đơn bà Phạm Thị Hoàng Y phải chịu 300.000 đồng, chuyển số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0002396 ngày 21/3/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thuỷ, thành phố C thành án phí. Nguyên đơn đã nộp xong.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố C xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND Q. B;
- TAND TPCT;
- Chi cục THADS Q. B;
- UBND P. K; Q. NK,
TPCT (GCNKH: 91 ngày 15/6/2011);
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thúy Quyên